TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **567**/2023/HS-PT
Ngày: 30-11-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Hợp**

Các thẩm phán: Ông **Trương Công Thi**

Bà **Võ Thị Ngọc Dung**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Nam Anh**, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại điểm cầu Trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và tại Điểm cầu thành phần Hội trường xét xử, Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (cơ sở tạm tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh; địa chỉ: Khu T, huyện S, tỉnh Quảng NgãiTòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 547/2023/TLPT-HS ngày 27 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Thị Thanh V tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2023/HS-ST ngày 23/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Bị cáo bị kháng cáo

Nguyễn Thị Thanh V1, sinh ngày 07/8/1991 tại tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Tổ dân phố T, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãinghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh H bà Đặng Thị Đ: Phan Thanh T, có 03 con: Lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 27/6/2023.

Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh V1 Ông Lê Văn M sư Công ty L20 HCó mặt.

Địa chỉ: K H, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng

Người bào chữa cho bị cáo theo luật định: Bà Trần Thị H1– Luật sư Văn phòng L3thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q

Địa chỉ: Số D, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi Có mặt.

Bị hại có kháng cáo

1. Bà Nguyễn Thị L năm: 1991.

Địa chỉ: Số A, đường V, tổ dân phố L, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi Có mặt.

2. Vợ chồng ông Đỗ Tấn C năm 1978; bà Võ Thị Thúy K năm 1985; Có mặt.

Địa chỉ: Số C đường N, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2019 đến năm 2021, Nguyễn Thị Thanh V2 đưa ra thông tin gian dối về đầu tư bất động sản, đáo hạn ngân hàng để các bị hại đưa tiền cho Vrồi V3 đoạt. Để nhận được tiền nhiều hơn, sau khi nhận tiền, V4 trả một ít tiền gốc, tiền lãi cho bị hại để bị hại tin tưởng tiếp tục đưa tiền cho VThực tế, V5 dùng tiền của bị hại để đầu tư bất động sản hay đáo hạn ngân hàng mà sử dụng để trả nợ cho người khác, trả một phần tiền gốc, tiền lãi cho bị hại. Cụ thể:

Trường hợp thứ nhất: Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2017 đến cuối năm 2019, Nguyễn Thị Thanh V6 lần vay tiền của Văn Thị Thu S hai bên nhiều lần trả tiền gốc, tiền lãi cho nhau nhưng số tiền cụ thể từng lần Vvà Sđều không nhớ. Đến cuối năm 2019, hai bên xác định V7 nợ Ssố tiền 250.000.000đồng. Đến đầu năm 2020, Nguyễn Thị Thanh V6 lần đưa thông tin gian dối về đáo hạn Ngân hàng và đầu tư bất động sản để Văn Thị Thu S1 tưởng đưa tiền cho V6 lần với tổng số tiền là 660.000.000đồng. Số tiền nhận của SVkhông dùng để làm đáo hạn Ngân hàng, đầu tư bất động sản mà sử dụng để trả nợ cho người khác và trả tiền gốc, tiền lãi cho SQuá trình điều tra, xác định hai bên giao dịch với nhau bằng tiền mặt và chuyển khoản, không viết giấy tờ gì. Vkhông nhớ đã trả được cho S2 nhiêu tiền gốc và lãi. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của S3 định V2 trả được cho S4 tiền gốc và tiền lãi là 327.000.000đồng, còn lại Vchiếm đoạt số tiền 333.000.000đồng.

Trường hợp thứ hai: Vào đầu tháng 9/2020, V8 quán nước của Nguyễn Thị Lâm c(Vvà Llà bạn học), sau vài lần gặp mặt thì Vnói V9 quen nhân viên Ngân hàng, nếu Lđưa tiền cho V10 làm đáo hạn Ngân hàng thì hằng tháng L1 nhận được tiền lãi. Để Ltin tưởng, V2 tự tạo tin nhắn giả làm nhân viên Ngân hàng nhắn tin với Vsau đó V11 nội dung các tin nhắn về số tiền đáo hạn, số tiền lãi nhận được gửi cho L2 để L3 tưởng đưa tiền cho V

Từ tháng 9/2020 đến tháng 11/2020, L4 nhiều lần đưa tiền cho V10 làm đáo hạn Ngân hàng với tổng số tiền 1.720.000.000đồng. Khi nhận tiền của LVkhông dùng để làm đáo hạn Ngân hàng mà dùng để trả nợ cho người khác, trả một phần tiền lãi và tiền gốc cho LQuá trình điều tra, xác định hai bên giao dịch với nhau bằng tiền mặt và chuyển khoản, không viết giấy tờ gì. Vkhông nhớ đã trả được cho L5 nhiêu tiền gốc và lãi. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của L6 định V2 trả được cho L7 tiền lãi là 110.100.000đồng, còn lại Vchiếm đoạt số tiền 1.609.900.000đồng.

Ngoài ra, vào khoảng tháng 11/2020, V12 với L8 tiền mua 02 lô đất ở xã T, thành phố Q giá 760.000.000 đồng, V13 460.000.000 đồng, còn Lgóp 300.000.000 đồng, hai bên không viết giấy tờ gì. Sau khi mua thửa đất trên thì Llà người đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, V12 Lđem thửa đất này thế chấp Ngân hàng để vay tiền đưa cho V10 Vlàm đáo hạn Ngân hàng kiếm thêm tiền, Vhứa hằng tháng sẽ trả lãi cho Ngân hàng và đưa thêm cho L10.000.000đồng. Sau đó V14 thiệu nhân viên Ngân hàng cho L9 thủ tục vay được 700.000.000đồng, rồi Lđưa toàn bộ số tiền này cho VSau khi nhận tiền, V5 dùng để đáo hạn Ngân hàng mà để trả nợ cho người khác. Vtrả tiền lãi Ngân hàng cho L10 03 tháng sau đó không trả nữa và cũng không trả tiền lãi cho Lnhư V15 hứa và chiếm đoạt số tiền 300.000.000 đồng của L

Vào khoảng tháng 12/2020, V16 Lgóp tiền chung với V17 lô đất ở xã T, T tưởng, V11 hình Giấy chứng nhận lô đất ở xã T tên V18 gửi qua cho L12 tế lô đất này là của bà Đặng Thị H2(dì của V19 H2nhờ Vđứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Lđồng ý nên đã đưa cho V20 tiền 300.000.000 đồng. Một thời gian sau, V21 tin cho L13 là giấy tờ có vấn đề nên chưa bán đất được, Vnói sẽ thế chấp quyền sử dụng thửa đất này rồi trả tiền cho LVthế chấp thửa đất này vay Ngân hàng số tiền 2.700.000.000đồng, V15 sử dụng số tiền này để trả nợ cho người khác mà không trả cho LSau nhiều lần yêu cầu thì V15 trả cho Lsố tiền 150.000.000 đồng, còn lại 150.000.000 đồng Vchiếm đoạt.

Như vậy, V15 dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của L14 số tiền là:1.609.900.000đồng + 300.000.000đồng + 150.000.000đồng = 2.003.900.000 đồng.

Trường hợp thứ ba: Nguyễn Thị Thanh V22 vợ chồng ông Cbà K1 quan hệ thông gia với nhau. Tháng 11/2019, V12 với vợ chồng K2 kiếm thêm tiền thì đưa tiền cho Vđể V23 đáo hạn ngân hàng. Vđưa các thông tin về gói đáo hạn dài ngày, gói đáo hạn ngắn ngày cho K3 Ktin tưởng và đưa tiền cho VTừ tháng 11/2019 đến tháng 11/2020, K4 nhiều lần đưa tiền cho V24 tổng số tiền là 636.000.000đồng. Sau khi nhận tiền, V5 làm đáo hạn Ngân hàng mà dùng để trả nợ cho người khác. V15 trả cho K5 tổng số tiền là 405.000.000đồng. Số tiền còn lại 231.000.000đồng Vchiếm đoạt.

Ngoài ra, khoảng tháng 5/2020, V12 vợ chồng ông C1 Ktách thửa đất của cha ông Cảm trên đường N chuyển mục đích sử dụng thành đất ở, đem thế chấp vay Ngân hàng rồi đưa cho V10 Vđi làm đáo hạn Ngân hàng, hằng tháng, V25 đưa tiền lãi cho vợ chồng ông C2 cả các thủ tục tách, chuyển đổi, thế chấp đều

do V26 dẫn vợ chồng ông C3 theo. Ngày 10/7/2020, vợ chồng ông C4 chấp thửa đất này vay ngân hàng được 700.000.000 đồng rồi đem số tiền trên đưa cho Vđể Vlàm đáo hạn Ngân hàng. Sau khi nhận số tiền 700.000.000 đồng, V15 trả cho vợ chồng ông C5 tiền 160.000.000 đồng, số tiền còn lại 540.000.000 đồng Vchiếm đoạt.

Như vậy, V15 dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của vợ chồng ông C1 Ksố tiền là: 231.000.000 đồng + 540.000.000 đồng = 771.000.000 đồng.

Trường hợp thứ tư: Vào khoảng giữa năm 2020, V47 nên quen biết Trần Thị B L1Sau đó, V4 xuyên rủ L1đi uống cà phê và nói về kế hoạch mua đất, Vđưa L1xem các hợp đồng đặt cọc, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà V27 thực hiện để L1tin tưởng. Đến đầu năm 2021, V12 với L1đưa tiền cho V10 làm đáo hạn Ngân hàng với mức tiền lãi cao hơn người khác. Để L1tin tưởng, V28 tạo tin nhắn giả là nhân viên Ngân hàng đưa thông tin về thời gian đáo hạn, số tiền tham gia và tiền lãi rồi V11 hình các tin nhắn này gửi qua cho L1Do tin tưởng nên từ ngày 30/12/2020 (Âm lịch) đến ngày 15/3/2021, L1đã nhiều lần đưa tiền cho V10 làm đáo hạn Ngân hàng và đặt cọc mua đất.

Quá trình điều tra, L1cung cấp 03 tờ giấy mượn tiền do V29 với tổng số tiền Vcòn nợ là 7.415.000.000đồng. Trong đó:

Giấy mượn tiền đề ngày 30/12/2020, Vmượn của L1số tiền 1.415.000.000đồng. Quá trình điều tra, V30 nhận đã đưa thông tin gian dối về đáo hạn Ngân hàng để L1đưa tiền cho VSau khi nhận được tiền, V5 dùng để làm đáo hạn Ngân hàng mà dùng để trả nợ cho người khác. Tuy nhiên, L1xác định thực tế L1chỉ đưa cho V900.000.000đồng (L1không nhớ ngày tháng) và sau đó vào khoảng ngày 26, 27/12/2020 (Âm lịch) L1đưa tiếp cho Vsố tiền 400.000.000 đồng. Vhứa cuối năm sẽ trả tiền cho L1nhưng không trả. Đến ngày 30/12/2020 (Âm lịch) vì chưa có tiền nên V28 tính và viết cho L1giấy mượn tiền với nội dung có mượn của L1số tiền 1.415.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, V9 trả cho L160.000.000 đồng tiền lãi. Do đó, có căn cứ xác định V15 đưa ra thông tin gian dối chiếm đoạt của L1số tiền là: 1.300.000.000 đồng - 60.000.000 đồng (Tiền lãi) = 1.240.000.000đồng.

Giấy mượn tiền đề ngày 15/02/2021, V31 mượn L1số tiền 5.000.000.000 đồng. Quá trình điều tra, V30 nhận đã đưa thông tin gian dối về đáo hạn Ngân hàng để L1đưa tiền cho VSau khi nhận được tiền, V5 dùng để làm đáo hạn ngân hàng mà để trả nợ cho người khác. Tuy nhiên, V32 rằng số tiền trong giấy mượn tiền 5.000.000.000 đồng thực tế Vchỉ nợ L11.500.000.000 đồng và 900.000.000 đồng Vcòn nợ trước đó (Theo giấy mượn tiền đề ngày 30/12/2020 là 1.450.000.000 đồng), do L1tính cộng dồn tiền lãi vào tiền gốc nên mới thành số tiền 5.000.000.000 đồng và khi viết giấy mượn tiền 5.000.000.000 đồng, V33 không lấy lại giấy mượn tiền ghi ngày 30/12/2020 (Số tiền 1.415.000.000 đồng). Tuy nhiên, V5 đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó, có căn cứ để xác định V15 đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt của L1số tiền 5.000.000.000đồng.

Giấy mượn tiền đề ngày 15/3/2021, Vmượn L1số tiền 1.000.000.000 đồng: Ngày 15/3/2021, V9 nhờ L1đi vay tiền dùm Vđể trả cho người khác do V12 có người đe dọa bắt cóc con của V34 tế V35 nhận 650.000.000 đồng, còn 350.000.000 đồng L1nói trừ vào tiền lãi nên V29 giấy nợ 1.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, V5 đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình.

Ngoài ra, L1khai có đưa cho V300.000.000 đồng để đầu tư mua lô đất ở xã T, thành phố Q 200.000.000 đồng để đầu tư vào lô đất ở huyện M, bị cáo V5 thừa nhận việc này và L1cũng không có tài liệu gì để chứng minh.

Như vậy, V15 đưa ra thông tin gian dối và chiếm đoạt của L1với tổng số tiền là: 1.240.000.000 đồng + 5.000.000.000 đồng = 6.240.000.000 đồng

Riêng số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) L1đi vay dùm cho Vvào ngày 15/3/2021 là do L1hoàn toàn tự nguyện, V5 dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt số tiền này nên đây chỉ là giao dịch dân sự.

Trường hợp thứ năm: Năm 2019, Nguyễn Thị Thanh V22 Đặng Thị K6 T1quen biết nhau thông qua Văn Thị Thu S5(Chị dâu của T1Sau đó, V12 với T1nếu có tiền thì đưa tiền cho Vđể V23 đáo hạn Ngân hàng, cho người khác vay lại để lấy tiền lãi. Cuối năm 2019, T1bắt đầu đưa tiền cho V10 cho V23 đáo hạn Ngân hàng và cho người khác vay lại. Những lần vay, V36 tiền gốc và tiền lãi cho T1đầy đủ. Vào khoảng tháng 4 đến tháng 5/2020, V12 với T1có tiền thì đưa cho V10 Vlàm đáo hạn Ngân hàng lấy tiền lãi. Tuyết tin tưởng nên đã đưa tiền cho V02 lần với tổng số tiền là 95.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, V5 dùng để làm đáo hạn Ngân hàng mà sử dụng vào mục đích cá nhân, để tạo niềm tin V15 trả tiền lãi cho T1được 30.000.000 đồng.

Ngày 19/11/2020, V12 với T1có lô đất ở xã T, huyện S bán, Vchụp hình giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 178, tờ bản đồ số 35, địa chỉ ở xã T, huyện S T1xem. Vnói lô đất này giá 620.000.000 đồng, sau khi mua V25 bán lại với giá 720.000.000 đồng, nếu T1góp 310.000.000 đồng thì V25 đưa T150.000.000 đồng tiền lãi. Tuy nhiên, sau khi T1đưa 310.000.000 đồng cho V37 thấy V5 đưa tiền cho mình nên T1yêu cầu Vtrả lại tiền nhưng V38 hứa hẹn mà không trả. Ngày 27/01/2021, V29 01 giấy mượn tiền nội dung có mượn của vợ chồng T1405.000.000 đồng (trong đó 95.000.000 đồng là tiền T1đưa cho V23 đáo hạn Ngân hàng và 310.000.000 đồng là tiền T1đưa cho V10 mua đất), hẹn ngày 04/02/2021 sẽ trả cho T1nhưng sau đó V39 đi khỏi địa phương và không trả lại tiền cho T1

Qua xác minh và lời khai của V40 định thửa đất trên Vđã mua từ trước với giá 390.000.000 đồng và ngày 11/11/2020, Vnhờ ông Đỗ Tấn C6 tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp ngân hàng vay 400.000.000 đồng, số tiền này ông C7 đưa cho V41 khi Ngân hàng giải ngân. Số tiền nhận của T1Vdùng để trả nợ cho người khác.

Như vậy, V15 đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt của T1với tổng số tiền là: 95.000.000 đồng + 310.000.000 đồng – 30.000.000 đồng = 375.000.000 đồng.

* Kết luận giám định tư pháp:

- Kết luận giám định số 566/KLGĐ-PC09 ngày 07/8/2021 của Phòng K1Công an tỉnh Qkết luận dữ liệu tin nhắn trong điện thoại thể hiện nội dung tin nhắn trao đổi liên quan đến việc vay mượn tiền giữa V24 những người đưa tiền cho V42, trong đó có nội dung V36 ra thông tin về đáo hạn Ngân hàng cho Kđể K7 tin và đưa tiền.

- Kết luận giám định số 686/KLGĐ-PC09 ngày 30/9/2021 của Phòng K1Công an tỉnh Qkết luận dữ liệu tin nhắn trong điện thoại thể hiện nội dung tin nhắn trao đổi giữa Vvà Lvề việc V36 ra thông tin về đáo hạn ngân hàng và các thửa đất để Lđưa tiền cho V

- Kết luận giám định số 340/KL-KTHS ngày 05/5/2022 của Phòng K1Công an tỉnh Qkết luận: Toàn bộ chữ viết tại các "Giấy mượn tiền" đề ngày 30/12/2020, 15/2/2021, 15/3/2021 và 27/1/2021 với chữ viết tại các mẫu so sánh (Bản tự khai của Nguyễn Thị Thanh V43 do cùng một người viết ra, tuy nhiên chữ ký so với mẫu so sánh (Bản tự khai của Nguyễn Thị Thanh V43 khác dạng nên không giám định truy nguyên được.

- Kết luận giám định số 779/KL-KTHS ngày 08/8/2022 của Phòng K1Công an tỉnh Qkết luận: Toàn bộ chữ viết tại "Giấy mượn tiền" đề ngày 12/7/2020 với chữ viết tại các mẫu so sánh (Bản tự khai của Nguyễn Thị Thanh V43 do cùng một người viết ra, tuy nhiên chữ ký so với mẫu so sánh (Bản tự khai của Nguyễn Thị Thanh V43 khác dạng nên không giám định truy nguyên được.

Từ những nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2023/HS-ST ngày 23/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

1.Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thanh V44 tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh V1 14 (Mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (Ngày 27/6/2023)

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46; Điều 48 Bộ luật hình sự;

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh V1 phải trả lại tiền cho các bị hại. Cụ thể như sau:

Trả lại cho bà Văn Thị Thu S6 tiền 333.000.000đồng (Ba trăm ba mươi ba triệu đồng)

Trả lại cho bà Nguyễn Thị L15 tiền là 2.059.900.000đồng (Hai tỷ, không trăm năm mươi chín triệu, chín trăm ngàn đồng)

Trả lại cho vợ chồng bà Võ Thị Thúy K8 Đỗ Tấn Csố tiền 771.000.000đồng (Bảy trăm bảy mươi mốt triệu đồng).

Trả lại cho bà Trần Thị B L1số tiền 6.240.000.000 đồng (Sáu tỷ hai trăm bốn mươi triệu đồng)

Trả lại cho bà Đặng Thị K6 T1số tiền 375.000.000đồng (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/10/2023, bị hại Nguyễn Thị L16 chồng ông Đỗ Tấn C8 Võ Thị K9 đơn kháng cáo với nội dung đề nghị xem xét hình thức khắc phục hậu quả để đảm bảo quyền lợi cho bị hại.

Tại phiên tòa, người kháng cáo đề nghị buộc bị cáo có phương án bồi thường, khắc phục thiệt hại cho bị hại.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của các bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện viện kiểm sát có quan điểm: Trong quá trình thi hành án các bị hại khi có chứng cứ nào chứng minh bị cáo có tài sản nào khác có thể yêu cầu cơ quan thi hành án thực hiện kê biên, bán đấu giá để khắc phục cho các ông bà. Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của các bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố xét xử sơ thẩm, đã được cơ quan và người tiến hành tố tụng thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, không có ý kiến khiếu nại. Bị hại có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung kháng cáo:

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Thanh V1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Từ cuối năm 2019 đến năm 2021, do thiếu nợ tiền của nhiều người nên Nguyễn Thị Thanh V2 nhiều lần đưa ra các thông tin gian dối như: Làm đáo hạn ngân hàng, đầu tư góp vốn để nhận chuyển nhượng các thửa đất nhằm chuyển nhượng lại với lợi nhuận cao làm cho các bị hại tin tưởng là thật nên đã nhiều lần giao tiền cho VSau khi nhận tiền của các bị hại, V5 thực hiện theo thỏa thuận mà sử dụng tiền của các bị hại đưa để trả nợ xoay vòng, trả tiền gốc, tiền lãi cho chính bị hại và tiêu xài cá nhân. Tổng số tiền mà bị cáo Nguyễn Thị

Thanh V1 chiếm đoạt của 05 bị hại là: 9.778.900.000đồng. Trong đó: Bà Văn Thị Thu S7: 333.000.000đồng; bà Nguyễn Thị L17: 2.059.900.000đồng; vợ chồng bà Võ Thị Thúy Kông Đỗ Tấn C9: 771.000.000đồng; bà Trần Thị B L1là: 6.240.000.000đồng; bà Đặng Thị Kim T1: 375.000.000đồng.

Do đó, Toà án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thị Thanh V tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ và đúng pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Thị Thanh V45 đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhưng do muốn có tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân nên đã đưa ra thông tin gian dối làm cho các bị hại tin tưởng cho vay tiền để các bị cáo chiếm đoạt. Hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra không những trực tiếp xâm hại quyền sở hữu về tài sản của bị hại mà còn tạo ra tâm lý bức xúc trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng nên cần phải có mức hình phạt nghiêm minh để cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và làm bài học răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung.

Bị cáo Nguyễn Thị Thanh V2 lừa đảo chiếm đoạt của các bị hại nhiều lần, mỗi lần chiếm đoạt đều cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"Phạm tội 02 lần trở lên"* quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo Nguyễn Thị Thanh V1 thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải, đã tự nguyện nộp bồi thường số tiền 160.000.000 đồng, gia đình bị cáo có công với cách mạng nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Khi quyết định hình phạt, Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên và xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh V46 năm tù, đồng thời buộc bị cáo trả lại số tiền đã chiến đoạt của các bị hại là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Các bị hại kháng cáo đề nghị xem xét các biện pháp thi hành trả lại tiền, buộc bị cáo có phương án bồi thường, khắc phục thiệt hại, Hội đồng xét xử xét thấy các nội dung yêu cầu này sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án bao gồm cả việc giải quyết số tiền 160.000.000 đồng mà bị cáo Nguyễn Thị Thanh V2 nộp và được Toà án cấp sơ thẩm tuyên để đảm bảo thi hành án.

Tại phiên toà hôm nay, những người kháng cáo không cung cấp được các tài liệu chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận các nội dung kháng cáo.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Do kháng cáo không được chấp nhận, nên các bị hại Nguyễn Thị L16 chồng ông Đỗ Tấn C10 bà Võ Thị T2 K phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[4]. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị hại Nguyễn Thị L18 Đỗ Tấn Cbà Võ Thị Thúy K10, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm.

1.Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh V1 14 (Mười bốn) năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (Ngày 27/6/2023).

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46; Điều 48 Bộ luật hình sự;

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh V1 phải trả lại tiền cho các bị hại. Cụ thể như sau:

Trả lại cho bà Văn Thị Thu S6 tiền 333.000.000đồng (Ba trăm ba mươi ba triệu đồng)

Trả lại cho bà Nguyễn Thị L15 tiền là 2.059.900.000đồng (Hai tỷ, không trăm năm mươi chín triệu, chín trăm ngàn đồng)

Trả lại cho vợ chồng bà Võ Thị Thúy K8 Đỗ Tấn Csố tiền 771.000.000đồng (Bảy trăm bảy mươi mốt triệu đồng).

Trả lại cho bà Trần Thị B L1số tiền 6.240.000.000 đồng (Sáu tỷ hai trăm bốn mươi triệu đồng)

Trả lại cho bà Đặng Thị K6 T1số tiền 375.000.000đồng (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

3. Án phí phúc thẩm: Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

- Bà Nguyễn Thị L19 chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm

- Vợ chồng ông Đỗ Tấn C10 bà Võ Thị T2 K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm**.**

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật và được thực hiện theo quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2023/HS-ST ngày 23/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

5. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi suất theo qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với khoản tiền và thời gian chậm thi hành án, cho đến khi thi hành xong bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Văn Hợp